

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2019

Nghành: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP chuyên ngành THIẾT KẾ NỘI THẤT [Mã ngành: 7210402]

SỐ TT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT											PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/TNTH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/TNTH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI					
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THI CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THI CUỐI KỲ				
[01]	[02]	[03]	[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]	[31]	[32]	[33]	[34]		
01	HK1	AA19003	Tin học đại cương và thực hành	[1]	BB	4[3.1.7]	4	3	0	0	1	0	0	0	0	7	75	45	0	0	30	0	0	0	105	20	30	50	TH	TH			[PM]	[AA01]	
02	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
03	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
04	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
05	HK1	DE09001	Design đại cương	[3]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	10	30	60	TL	TL	15	75	[LT]	[DE00]	
06	HK1	DE09002	Hình họa 1	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH			[VE]	[DE00]	
07	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam	[3]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	10	20	70	VD	TL			[LT]	[DE00]	
08	HK1	DE09004	Nguyên lý thị giác	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	30	60	VD	TN			[LT]	[DE00]	
09	HK2	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.1.1]	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	30							[SA]	[GS09]	
10	HK2	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[0.2]	BB	0[0.1.1]	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	30							[SA]	[GS09]	
11	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
12	HK2	DE09005	Ergonomics	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN			[LT]	[DE00]	
13	HK2	DE09006	Hình họa 2	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH			[VE]	[DE00]	
14	HK2	DE09007	Vẽ kỹ thuật	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	20	70	BT	VE			[LT]	[DE00]	
15	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	[3]	BB	1[0.1.1]	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	45	0	0	0	0	45	0	0	15			100					[NT]	[DE00]	
16	HK2	DE49001	Kỹ thuật mô hình nội thất	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	10	40	50	TH	TH			[CD]	[DE04]	
17	HK2	DE49002	Mô tụy và màu sắc trong thiết kế nội thất	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	40	50	TH	TH			[LT]	[DE04]	
18	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[0.2]	BB	0[0.1.1]	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	30							[SA]	[GS09]	
19	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[0.2]	BB	0[0.1.1]	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	30							[SA]	[GS09]	
20	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
21	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
22	HK3	DE09012	Hình họa chuyên ngành 1_TK Nội thất	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	40	50	TH	TH			[VE]	[DE00]	
23	HK3	DE49003	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 1	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	10	30	60	TH	TH			[PM]	[DE04]	
24	HK3	DE49004	Nguyên lý thiết kế nội thất	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	TH	TH			[LT]	[DE04]	
25	HK3	DE49005	Văn hóa và phong cách trong thiết kế nội thất	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	TH	TH			[LT]	[DE04]	
26	HK3	DE49006	Vật liệu nội thất	[4]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	50	TH	TH			[CD]	[DE04]	
27	HK4	M03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	[0.1]	BB	0[6.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240			100					[QP]	[M000]	
28	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]	
29	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
30	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	VD	TH			[LT]	[DE00]	
31	HK4	DE09017	Hình họa chuyên ngành 2_TK Nội thất	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	40	50	TH	TH			[VE]	[DE00]	
32	HK4	DE49007	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 2	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	30	60	VD	DA			[PM]	[DE04]	
33	HK4	DE49008	Nhân diện thương hiệu	[3]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	10	30	60	VD	TH			[LT]	[DE04]	
34	HK4	DE49009	Thực tập chuyên ngành	[3]	BB	2[0.2.2]	2	0	0	0	0	2	0	0	0	2	90	0	0	0	0	90	0	0	30			100					[NT]	[DE04]	
35	HK4	DE49010	Cấu tạo nội thất	[4]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	VD	TH			[CD]	[DE04]	
36	HK4	DE49011	Đồ án Ngoại thất sân vườn công viên	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	10	20	70	VD	DA			[CD]	[DE04]	
37	HK4	DE49012	Đồ án Nội thất công trình nhà ở	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	10	20	70	VD	DA			[CD]	[DE04]	
38	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]	
39	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
40	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	[3]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	10	20	70	VD	TL			[LT]	[DE00]	
41	HK5	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	[3]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	0	6	45	45</																	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2019

Ngành: **THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP** chuyên ngành **THIẾT KẾ NỘI THẤT** [Mã ngành: 7210402]

SỐ TT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN HỌC BẮT BUỘC HOẶC MÔN HỌC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT											PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN	
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI			THỜI GIAN K/TRA - THI					
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THI CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THI CUỐI KỲ					
[01]	[02]	[03]	[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]	[31]	[32]	[33]	[34]			
47	HK6	GS09010	Môn học tự chọn 1_KHXHNV	[2]	TC	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	60								[LT]	[GS00]		
48	HK6	DE09021	Lịch sử Design	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	10	30	60	VD	TL			[LT]	[DE00]		
49	HK6	DE09022	Mỹ học đại cương	[3]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	60	10	30	60	VD	TL			[LT]	[DE00]		
50	HK6	DE43017	Chuyên đề 1_TK Nội thất	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	0	45									[LT]	[DE04]	
51	HK6	DE43018	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 4	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	0	60	10	30	60	VD	TL			[PM]	[DE04]		
52	HK6	DE43019	Đồ án Nội thất công trình dịch vụ giải trí	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	0	45	10	20	70	VD	DA			[CD]	[DE04]		
53	HK6	DE43020	Đồ án Nội thất công trình văn hóa giáo dục	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	0	45	10	20	70	VD	DA			[CD]	[DE04]		
54	HK7	DE43021	Chuyên đề 2_TK Nội thất	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	0	45									[LT]	[DE04]	
55	HK7	DE43022	Lịch sử kiến trúc nội thất	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	10	40	50	VD	TH			[LT]	[DE04]		
56	HK7	DE43023	Đồ án tổng hợp_TK Nội thất	[4]	BB	3[1.2.5]	3	1	1	0	0	1	0	0	5	75	15	15	0	0	45	0	0	0	75	10	30	60	VD	DA			[CD]	[DE04]		
57	HK7	DE43024	Đồ án tự chọn_TK Nội thất	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	0	45	10	20	70	VD	DA			[CD]	[DE04]		
58	HK8	DE49151	Thực tập tốt nghiệp	[5.1]	TN	2[0.2.2]	2	0	0	0	0	2	0	0	2	90	0	0	0	0	90	0	0	0	30			100	VD	BC/TL			[LT]	[DE04]		
59	HK8	DE43153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	[5.3]	TN	7[0.7.7]	7	0	0	0	0	0	0	7	7	315	0	0	0	0	0	0	0	315	0			100		DA			[CD]	[DE04]		
DANH SÁCH MÔN HỌC TỰ CHỌN																																				
01	HK6_TC	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[2]	TC	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	60									[LT]	[GS00]	
02	HK6_TC	GS09011	KHXHNV_Tiếng Việt thực hành	[2]	TC	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	60										[LT]	[GS00]
03	HK6_TC	GS09021	KHXHNV_Tiếng Anh chuyên ngành	[2]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90										[LT]	[GS00]
04	HK6_TC	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	0	45									[LT]-[CD]	[DE00]	
05	HK6_TC	DE09028	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	0	45									[LT]-[CD]	[DE00]	
06	HK6_TC	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	0	45									[LT]-[CD]	[DE00]	
07	HK6_TC	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	0	45									[LT]-[CD]	[DE00]	
08	HK7_TC	DE09037	Phong thủy	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	0	45									[LT]-[CD]	[DE00]	
09	HK7_TC	DE19012	Phương pháp tìm ý trong TK sản phẩm	[3]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60									[LT]-[CD]	[DE01]		
10	HK7_TC	DE09039	Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	0	45	10	40	50	VD	TH			[LT]	[DE00]		
11	HK7_TC	DE09038	Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in đương đại	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	0	45									[LT]-[CD]	[DE00]	
12	HK7_TC	DE43025	Đồ án Sản phẩm tái chế	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	0	45									[CD]	[DE04]	
13	HK7_TC	DE43026	Đồ án Tổ chức sự kiện	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	0	45									[CD]	[DE04]	
14	HK7_TC	DE43027	Đồ án Tạo dáng sản phẩm nội thất	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	0	45									[CD]	[DE04]	

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC

- [0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt
 - [0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh
 - [0.2] Giáo dục thể chất
- Kiến thức giáo dục đại cương**
 - [1] Khoa học tự nhiên
 - [2] Khoa học xã hội nhân văn
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**
 - [3] Cơ sở ngành
 - [4] Chuyên ngành
 - [5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp
 - [5.1] Thực tập tốt nghiệp
 - [5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn
 - [5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
 - [5.4] Thi tốt nghiệp
 - [5.5] Môn Thay thế BTNN

CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, HAY MÔN HỌC TỰ CHỌN

- BB Môn học bắt buộc
- TC Môn học tự chọn
- TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.
- Sinh viên chọn hình thức thực hiện

CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC THI

- [VD] Thi vấn đáp
- [TN] Thi trắc nghiệm
- [TL] Thi tự luận
- [TH] Thi thực hành
- [BC] Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận
- [LA] Luận án / Báo vệ Luận án
- [DA] Nộp đồ án / Bảo vệ đồ án môn học
- [CH] Thi trắc nghiệm và tự luận